

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 12-HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 2 năm 1989

NGHỊ ĐỊNH

Về thủ tục kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài tiến hành trước cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình ngày 29-12-1986;

Xét tình hình thực tế công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài và nhằm bảo đảm thi hành thống nhất thủ tục kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. - Người nước ngoài nói trong Nghị định này là người không có quốc tịch Việt Nam, bao gồm người có quốc tịch nước ngoài và người không quốc tịch.

Điều 2. - Người nước ngoài có đủ những điều kiện kết hôn theo pháp luật của nước mà người đó là công dân hoặc theo pháp luật của nước mà người đó thường trú vào thời điểm xin đăng ký kết hôn (đối với người không quốc tịch) và theo những quy định ở các điểm 5, 6 và 7 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, thì có thể được đăng ký kết hôn với công dân Việt Nam.

Phù hợp với điều 54 Luật hôn nhân và gia đình, nếu người nước ngoài là công dân của nước đã ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp với nước Cộng hoà xã hội chủ

nghĩa Việt Nam thì việc tuân thủ theo những quy định của Hiệp định đó và điều kiện kết hôn là đủ.

Điều 3. - Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đơn vị hành chính tương đương nơi thường trú của bên công dân Việt Nam.

Trường hợp công dân Việt Nam đang ở nước ngoài vào thời điểm nộp đơn xin đăng ký kết hôn thì việc kết hôn của họ với người nước ngoài, nếu các đương sự yêu cầu và nếu không trái với luật của nước sở tại hoặc Hiệp định lãnh sự giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước sở tại, do cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước sở tại công nhận. Trong trường hợp này người nước ngoài không phải tuân theo các quy định ở các điều 5 và 6 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Chương II

THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

Điều 4.

1. Khi xin đăng ký kết hôn mỗi bên phải nộp và xuất trình giấy với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền:

- a) Đơn xin đăng ký kết hôn (theo mẫu quy định riêng).
- b) Giấy chứng nhận của chính quyền cơ sở nơi thường trú xác nhận là chưa có chồng, chưa có vợ hoặc đã có vợ có chồng nhưng đã ly hôn hoặc người kia đã chết.
- c) Bản sao giấy khai sinh.
- d) Giấy của cơ quan y tế chứng nhận hiện tại không bị bệnh tâm thần mà không có khả năng nhận thức được hành vi của mình và không bị các bệnh hoa liễu, SIDA.
- đ) Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế.

2. Đối với công dân Việt Nam đang phục vụ trong quân đội, trong các ngành có liên quan đến bí mật quốc gia, thì ngoài những giấy tờ nêu ở khoản 1 điều này, còn phải nộp giấy của Bộ hoặc ngành nơi người đó đang phục vụ công tác xác nhận rằng việc